

Phiếu hướng dẫn chăm sóc trẻ bị tiêu chảy

小兒腹瀉護理指導單

■ 疾病簡介 Giới thiệu sơ lược về bệnh

指每天排便次數明顯增加，且糞便呈水狀或糊狀。常見原因包括病毒感染（如輪狀病毒、諾羅病毒）、細菌感染、食物不耐、藥物副作用或腸胃過敏等。

Chỉ số lần đại tiện mỗi ngày tăng lên rõ rệt, hơn nữa phân ở dạng nước hoặc sệt. Nguyên nhân phổ biến bao gồm nhiễm virus (như virus Rota, Norovirus), nhiễm khuẩn, thức ăn không hợp, tác dụng phụ của thuốc hoặc dị ứng đường tiêu hóa...

嬰幼兒腹瀉若未及時處理，容易導致脫水甚至電解質不平衡。

Trẻ sơ sinh và trẻ nhỏ bị tiêu chảy nếu không xử lý kịp thời, dễ gây ra mất nước thậm chí mất cân bằng điện giải.

■ 常見症狀 Triệu chứng phổ biến

- 水樣便、次數增加（一天超過3次）
- Đại tiện dạng lỏng, số lần tăng lên (một ngày quá 3 lần)
- 腹部不適、腹鳴或絞痛
- Đau bụng, sôi bụng hoặc đau quặn
- 嘔吐、食慾下降
- nôn mửa, chán ăn
- 發燒（尤其是感染性腹瀉）
- Sốt (đặc biệt là tiêu chảy bởi nhiễm trùng)
- 活力下降、哭鬧不安或嗜睡
- Giảm khả năng hoạt động, quấy khóc hoặc buồn ngủ.

Phiếu này chỉ mang tính tham khảo, tình hình thực tế căn cứ theo bác sỹ khám chữa bệnh



以病家為尊、以同仁為重、以北醫為榮

- 尿量減少、口唇乾燥（為脫水徵象）
- Giảm lượng tiểu, môi khô (là dấu hiệu mất nước)

■ 檢查檢驗 Kiểm tra xét nghiệm

- 糞便檢查：觀察是否有血液、黏液、病菌或寄生蟲
- Kiểm tra phân: Quan sát có tia máu, dịch nhầy, vi khuẩn hoặc ký sinh trùng không
- 脫水評估：醫師會依寶寶的體重、皮膚彈性、尿量等判斷脫水程度
- Đánh giá mức độ mất nước: Bác sỹ căn cứ vào cân nặng, độ đàn hồi da, lượng nước tiểu của trẻ để đánh giá mức độ mất nước.
- 血液檢查：如情況嚴重，可能檢查電解質與腎功能
- Kiểm tra máu: nếu tình hình nghiêm trọng, có thể kiểm tra chất điện giải và chức năng thận
- 病毒快篩：如懷疑輪狀病毒等病毒性腹瀉
- Test nhanh virus: Nếu nghi ngờ đi ngoài bởi virus như virus Rota.

■ 處置照護 Điều trị và chăm sóc

- 補充水分最重要、注意食物與飲水的衛生
- Bổ sung nước là quan trọng nhất, chú ý vệ sinh thực phẩm và nước uống.
- 醫師評估後可持續哺餵母乳、調整配方奶
- Sau khi bác sỹ đánh giá có thể tiếp tục cho bú sữa mẹ, điều chỉnh sữa công thức.

Phiếu này chỉ mang tính tham khảo, tình hình thực tế căn cứ theo bác sỹ khám chữa bệnh



以病家為尊、以同仁為重、以北醫為榮

- 避免油炸、乳製品與高糖食物
- Tránh thực phẩm chiên rán, sản phẩm từ sữa và thực phẩm nhiều đường.
- 選擇清淡易消化食物
- Lựa chọn thực phẩm thanh đạm dễ tiêu hóa
- 每次排便後應以溫水輕柔清潔，保持乾爽
- Sau mỗi lần đi vệ sinh cần rửa sạch nhẹ nhàng bằng nước ấm, giữ khô thoáng.
- 記錄排便次數、型態、是否有血或黏液
- Ghi chép số lần đi ngoài, hình dạng phân, có máu hoặc dịch nhầy không
- 注意體重變化與尿量
- Chú ý thay đổi cân nặng và lượng tiểu.
- 輪狀病毒對酒精具有抗性，正確的濕洗手能有效預防病毒傳播。
- Virus Rota có tính kháng cồn, rửa tay ướt đúng cách có thể phòng ngừa hiệu quả sự lan truyền virus.
- 嬰兒接種口服輪狀病毒疫苗，可預防輪狀病毒腸胃炎
- Trẻ nhỏ uống vắc xin phòng virus Rota, có thể phòng ngừa viêm đường tiêu hóa do virus Rota gây ra.



■ 緊急返院提醒 Nhắc nhở tái khám khẩn cấp

- 明顯嗜睡、活動力差
- Buồn ngủ, khả năng hoạt động kém rõ rệt
- 尿布乾超過6小時未尿尿
- Bỉm khô hơn 6 tiếng vẫn không đi tiểu
- 嘔吐嚴重、無法進食或水
- Nôn mửa nghiêm trọng, Không thể ăn uống hoặc uống nước
- 糞便帶血或黑便
- Phân dính máu hoặc đen
- 高燒超過38.5°C持續不退
- Sốt cao 38,5 °C liên tục không giảm
- 明顯眼眶凹陷、嘴唇乾裂（脫水徵象）
- Mắt trũng sâu, môi nứt nẻ (triệu chứng mất nước)

■ 複習一下 Ôn tập

- 問題1:()孩子腹瀉時應停止餵母乳，避免加重腸胃不適。
- Câu 1: () Khi trẻ tiêu chảy cần lập tức ngừng bú sữa mẹ, tránh bệnh đường tiêu hóa nghiêm trọng hơn.
- 問題2:()腹瀉的孩子應避免喝果汁，以免讓腹瀉更嚴重。
- Câu 2: () Trẻ bị tiêu chảy cần tránh uống nước hoa quả, để tránh tiêu chảy nặng hơn

Phiếu này chỉ mang tính tham khảo, tình hình thực tế căn cứ theo bác sỹ khám chữa bệnh



以病家為尊、以同仁為重、以北醫為榮

- 問題3:()糞便中出現血絲或寶寶持續嗜睡，可能是腸胃炎嚴重的徵兆，應立即就醫。
- Câu 3: () Trong phân có tia máu hoặc trẻ liên tục buồn ngủ, có thể là dấu hiệu viêm đường tiêu hóa nghiêm trọng, cần lập tức đi khám bệnh

正確答案 Đáp án đúng

問題1:○ 問題2:X 問題3:○

Câu 1:○ Câu 2:X Câu 3:○

參考資料：Tài liệu tham khảo

Trần Nguyệt Chi (2021), Điều dưỡng thực tiễn trong nhi khoa, thành phố Đà Bắc: Nhà xuất bản Hoa Hạnh

Hội y khoa Đà Loan về bệnh nhiễm trùng ở trẻ em (Ngày 16 tháng 2 năm 2019), Hướng dẫn chăm sóc về bệnh viêm đường tiêu hóa cấp tính ở trẻ em, Hội y khoa Đà Loan về bệnh nhiễm trùng ở trẻ em

Bressan, S., Sartor, G., Dalena, P., Balestra, E., Madera, A., Marchetti, F., ... & CHOICE Study Group. (2024). Implementation of the WHO Standards to assess quality of paediatric care at the facility level using service users' perspective as source of data: a multicentre quality improvement study in Italy. *BMJ Paediatrics Open*, 8(Suppl 7), 1-10.

電話 số điện thoại : (02)2737-2181 分機 Sự mở rộng: 1300

制定單位/日期 Ngày biên soạn (hiệu đính) : Khoa Điều dưỡng/.114.12..01

PFS-8100-672

Phiếu này chỉ mang tính tham khảo, tình hình thực tế căn cứ theo bác sỹ khám chữa bệnh



以病家為尊、以同仁為重、以北醫為榮